CHƯƠNG II
NGHIỆP VỤ PHÁT HÀNH TIỀN

GV: THS. TRẦN THẠCH UYÊN VY

MỤC TIÊU CHƯƠNG

1. Hiểu và nắm được nghiệp vụ phát hành tiền của NHTW.
2. Đưa ra các phân tích, đánh giá giữa các kênh phát hành tiền của NHTW.
3. Vận dụng để phân tích, đánh giá nghiệp vụ phát hành tiền của NHNNVN.

KẾT CẤU CHƯƠNG

1. TỔNG QUAN VỀ NGHIỆP VỤ PHÁT HÀNH TIỀN
2. CÁC KÊNH PHÁT HÀNH TIỀN
3. NGHIỆP VỤ PHÁT HÀNH TIỀN VÀ ĐIỀU TIẾT LƯU THÔNG TIỀN TỆ

1 Tổng quan về nghiệp vụ phát hành tiền của NHTW:

- 1.1 Chế độ phát hành tiền
- 1.2 Nguyên tắc phát hành tiền

1.1 Chế độ phát hành tiền:

- Chế độ phát hành tiền
  - Chế độ phát hành theo dự trữ vàng
  - Chế độ phát hành tiền theo tiền pháp định

1.1.1 Chế độ phát hành tiền theo dự trữ vàng:

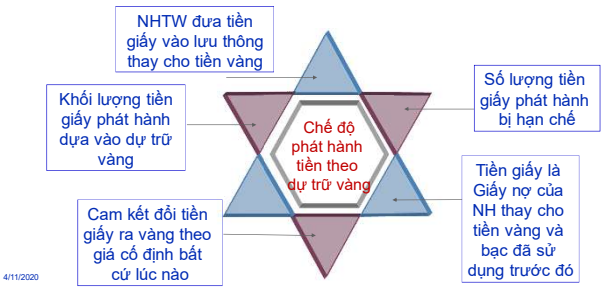

1.1.2 Chế độ phát hành tiền pháp định:

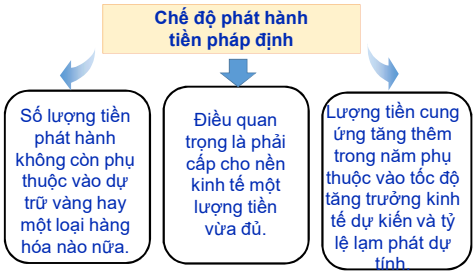

1.2 Nguyên tắc phát hành tiền:

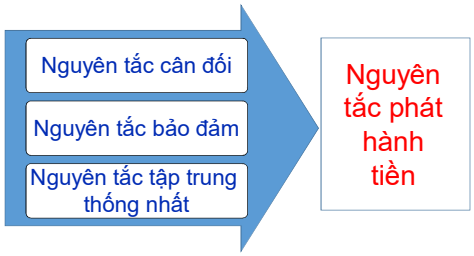

1.2.1 Nguyên tắc cân đối

Khối lượng tiền mặt phát hành ra phải cân đối nhu cầu của nền kinh tế.

+ Nếu phát hành nhiều hơn nhu cầu sẽ gây mất giá đồng tiền, làm cho lạm phát sẽ có cơ hội gia tăng.

+ Nếu tiền phát hành ít hơn nhu cầu, sẽ gây ra hiện tượng thiếu phương tiện sẽ làm cho sản xuất và lưu thông hàng hóa ngưng trệ, đình đốn.

1.2.2 Nguyên tắc đảm bảo

- Tiền giấy phát hành vào lưu thông phải được bảo đảm bằng giá trị vật chất, nhờ đó sức mua của tiền giấy mới được ổn định.
- Tiền giấy và tiền đúc kim loại hiện nay đều thuộc loại tiền dấu hiệu, đây là loại tiền được lưu hành dựa trên lòng tin của cá nhân và xã hội đối với đồng tiền đó. Loại tiền này còn được gọi là tín tệ.

1.2.2 Nguyên tắc đảm bảo

Việc phát hành tiền, tùy theo từng giai đoạn phát triển của hình thái kinh tế - xã hội, mà được bảo đảm bằng các hình thức sau:

- **Bảo đảm bằng vàng**
- **Bảo đảm bằng tín dụng – hàng hóa**
- **Bảo đảm bằng trái phiếu Chính phủ**
- **Bảo đảm bằng ngoại tệ**

1.2.3 Nguyên tắc tập trung thống nhất:

Từ khâu tính toán xác định khối lượng, tỷ lệ tiền phát hành trong từng thời kỳ phải được cân nhắc cẩn thận và phải được thông qua bởi cơ quan có thẩm quyền, sau đó đến việc tổ chức thực hiện đều phải tuân thủ sự quyết định có tính tập trung nhằm đảm bảo khối lượng, cơ cấu tiền phát hành trong thời kỳ diễn ra theo dự báo.

2 Các kênh phát hành tiền

Đo lường tiền tệ

Khối lượng tiền trong nền kinh tế được đo lường bằng một số mức cung tiền khác nhau và được kết cấu theo nguyên tắc tính thanh khoản giảm dần.

4/11/2020 15

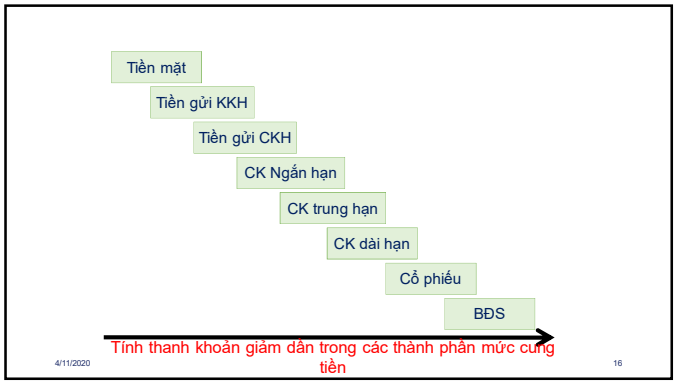

ĐO LƯỜNG MS

Các khối tiền được kết cấu theo nguyên tắc:	
Tính thanh khoản của các Tài sản tài chính giảm dần.	Danh mục các Tài sản tài chính đa dạng hơn.

4/11/2020 17

Đo lường mức cung tiền của Mỹ

M1	M2	M3	Khác
-Tiền mặt ngoài hệ thống NH. - Séc du lịch. - Tiền gửi không kỳ hạn.	-M1 -Tiền gửi có kỳ hạn và hợp đồng mua lại với mệnh giá thấp. -Tiền gửi tiết kiệm. -Cổ phiếu quỹ	-M2 -Tiền gửi tiết kiệm và hợp đồng mua lại với mệnh giá cao.	-M3 -Tín phiếu kho bạc. -Thương phiếu, trái phiếu.

4/11/2020 18

Đo lường mức cung tiền tệ của VN

M1	M2	M3	Khác
-Tiền mặt lưu thông ngoài hệ thống ngân hàng. -Tiền gửi không kỳ hạn.	-M1 -Tiền gửi tiết kiệm. -Tiền gửi có kỳ hạn. -Kỳ phiếu, trái phiếu do NHTM phát hành.		

Nhân tố ảnh hưởng đến mức cung tiền

MS = MB x m

1. MB:

-NHTW quyết định phát hành tiền

-Yếu tố ảnh hưởng đến mức độ chủ động của NHTW trong việc cung ứng và kiểm soát MB:

+Tình trạng NSNN và mức độ độc lập của NHTW

+Sự phụ thuộc về vốn của NHTM vào NHTW

+Cơ chế tỷ giá

+Sự phát triển của TTTC

2. Hệ số nhân tiền

- $m_1 = (1+c)/(r_d+r_e+c)$
- $m_2 =(1+c+t+b)/(r_d+txr_t+r_e+c)$

r_d: Tỷ lệ dự trữ bắt buộc cho tiền gửi không kỳ hạn

r_e: Tỷ lệ dự trữ của NH

r_t: Tỷ lệ dự trữ bắt buộc cho tiền gửi có kỳ hạn

c: Tỷ lệ sử dụng tiền mặt

t: Tỷ lệ tiền gửi có kỳ hạn

b: Tỷ lệ chứng từ nợ ngân hàng

Quá trình cung ứng tiền

Ngân hàng Trung ương phát hành tiền trung ương (MB)

MB = Tiền mặt NHTW phát hành + Tiền gửi của NHTM tại NHTW

XÁC ĐỊNH THAY ĐỔI ΔM1, ΔM2

$$\Delta M_1 = m_1 \times \Delta MB = \frac{1+c}{r_d + r_e + c} \times \Delta MB$$

$$\Delta M_2 = m_2 \times \Delta MB = \frac{1+c+t+b}{r_d + t \times r_t + r_e + c} \times \Delta MB$$

Bài tập

Bài 1: Xác định lượng tiền cung ứng tăng thêm, biết rằng:

- Tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi không kỳ hạn là 10%.
- Ngân hàng quyết định giữ 5% của mỗi đồng tiền gửi không kỳ hạn để phòng nhu cầu rút tiền mặt của khách hàng.
- Khách hàng sử dụng 100% tiền chuyển khoản.
- Ngân hàng trung ương cho các NHTM vay 250 tỷ đồng.

Bài tập

Bài 2:

- Hãy xác định hệ số tạo tiền m_1 khi biết tỷ lệ dự trữ bắt buộc cho tiền gửi không kỳ hạn là 5%, tỷ lệ dự trữ dư thừa trên tiền gửi không kỳ hạn là 2%, tỷ lệ sử dụng tiền mặt của công chúng trên số dư tiền gửi không kỳ hạn là 20%.
- Cho biết thêm tỷ lệ tiền gửi có kỳ hạn so với tiền gửi không kỳ hạn là 45%. Hãy xác định hệ số tạo tiền m_2 khi biết tỷ lệ dự trữ bắt buộc cho tiền gửi có kỳ hạn là 3%.

Bài tập

- **Bài 3:** Xác định sự biến động của khối lượng tiền cung ứng khi biết:

- Tỷ lệ dự trữ bắt buộc cho tiền gửi không kỳ hạn là 10%
- Tỷ lệ dự trữ dư thừa so với tiền gửi không kỳ hạn là 8%
- Tỷ lệ tiền mặt so với tiền gửi không kỳ hạn là 20%. Ngân hàng trung ương chi mua 10 triệu USD đồng thời bán 1 lượng tín phiếu kho bạc cho ngân hàng thương mại là 300 tỷ đồng. Biết thêm tỷ giá giữa USD và VNĐ là:

1 USD = 23.000 VNĐ

Bài tập

Bài 4: Xác định khối lượng tiền cung ứng tăng thêm khi biết:

- Tỷ lệ dự trữ bắt buộc cho tiền gửi không kỳ hạn là 5%.
- Tỷ lệ dự trữ dư thừa so tiền gửi không kỳ hạn là 10%.
- Và cứ tương ứng với 1 đồng tiền gửi không kỳ hạn thì khách hàng để tiền mặt là 0,4 đồng.
- Lượng dự trữ do NHTW cung ứng thêm qua cho các NHTM vay là 200 tỷ đồng.

Nguồn đối ứng của MB:

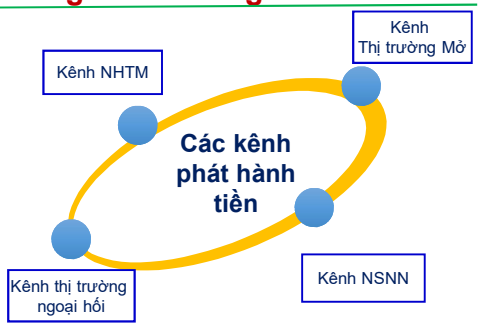

2.1 Phát hành tiền qua kênh NHTM:

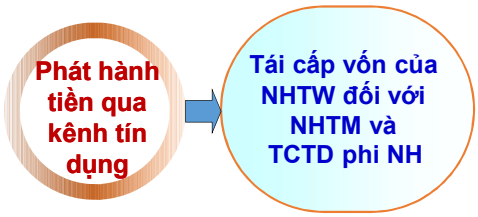

4/11/2020 28

2.1 Phát hành tiền qua kênh NHTM:

4/11/2020 29

2.1 Phát hành tiền qua kênh NHTM:

NHTW phát hành tiền bằng cách cho các TCTD vay ngắn hạn dưới tình thức Tái cấp vốn như sau:

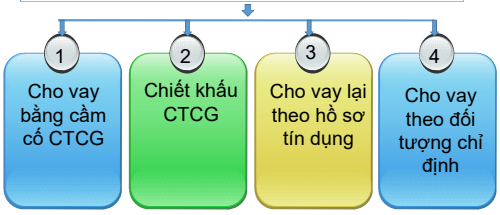

4/11/2020 30

2.1 Phát hành tiền qua kênh NHTM:

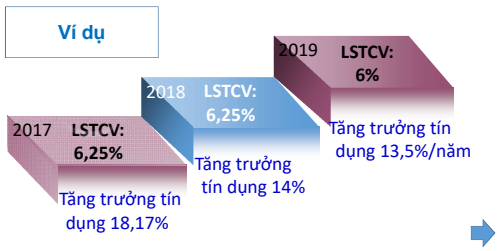

2.1 Phát hành tiền qua kênh NHTM:

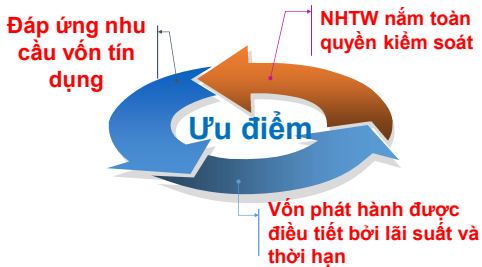

2.2 Phát hành tiền qua kênh NSNN:

NHTW phát hành tiền để cho vay đối với CP

-NHTW chỉ tạm ứng cho NSNN
-Không phát hành tiền để bù đắp thâm hụt NS

2.2 Phát hành tiền qua kênh NSNN:

Tại một số thời điểm của năm, NSNN có thể tạm thời thiếu hụt vốn ngắn hạn. Để đáp ứng nhu cầu chi, được sự đồng ý của Chính phủ, Quốc hội, NHTW có thể tạm ứng cho NSNN vay ngắn hạn để kịp thời thực hiện các khoản chi.

2.2 Phát hành tiền qua kênh NSNN:

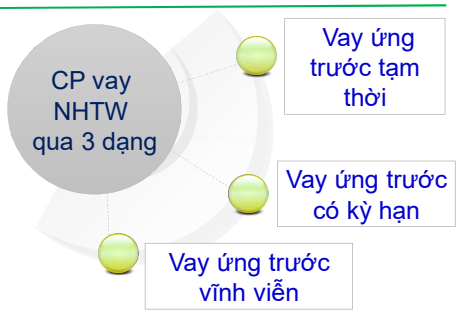

2.2 Phát hành tiền qua kênh NSNN:

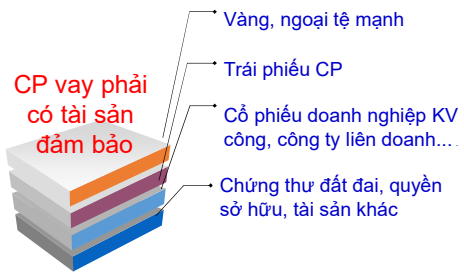

2.2 Phát hành tiền qua kênh NSNN:

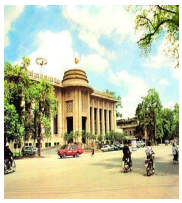

Không phải kênh phát hành được khuyên dùng vì có thể gây ra lạm phát

2.3 Phát hành tiền qua kênh thị trường mở:

Thị trường mở là thị trường mua bán ngắn hạn CTCG do NHTW tổ chức và thực hiện với các TCTD

2.3 Phát hành tiền qua kênh thị trường mở:

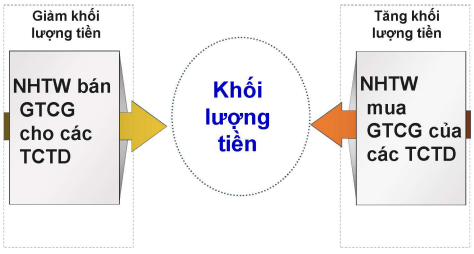

1. NHTW chủ động trong phát hành
2. Tiền tăng thêm đã được cân đối bằng lượng CTCG
3. Cách phát hành phổ biến nhất

2.3 Phát hành tiền qua kênh thị trường mở:

Thông qua NV OMO, NHTW có thể mở rộng hoặc thu hẹp khối tiền cung ứng cho nền kinh tế

→ OMO trở thành một kênh cung ứng tiền của NHTW

Đánh giá về phát hành tiền qua kênh thị trường mở?

2.4 Phát hành tiền qua kênh thị trường ngoại hối:

- NHTW tham gia thị trường ngoại hối với tư cách là người tổ chức và điều hành thị trường, đồng thời với tư cách thành viên điều tiết thị trường.
- Ngân hàng Trung ương chỉ tham gia mua hoặc bán ngoại hối khi cần thiết để điều tiết thị trường và không vì mục tiêu lợi nhuận.

2.4 Phát hành tiền qua kênh thị trường ngoại hối:

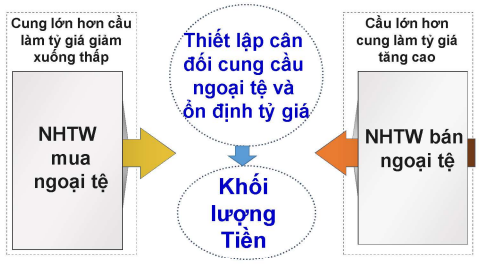

Bảng cân đối tiền tệ của NHTW

ĐVT: Triệu đồng

Tài sản có	Số tiền	Tài sản nợ	Số tiền
TS có ngoại tệ	25.050.300	**Tiền dự trữ**	32.427.336
·Vàng	4.000.000	·Tiền mặt	25.159.140
·Ngoại tệ	6.500.000	·Tiền gửi của các NHTM	7.268.196
·Đầu tư vào CK nước ngoài	10.700.300	**Tài sản nợ ngoại tệ**	7.827.588
·Tiền gửi tại NH nước ngoài	3.849.700	·Tiền gửi của các TC nước ngoài	2.368.000
Quan hệ với ngân sách.	9.700.800	·Vay của các tổ chức tài chính quốc tế	5.459.288
·Tạm ứng cho ngân sách	5.345.000		
·Mua chứng khoán chính phủ	3.500.400	**Tiền gửi của chính phủ**	5.509.020
·Các khoản khác	855.400	**Vốn và các quỹ**	3.856.314
Cho các tổ chức tín dụng vay	7.795.200		
·Tái cấp vốn	2.700.800	**Tài sản nợ khác**	6.289.242
·Mục tiêu chỉ định	5.094.400		
Tài sản có khác	13.363.200		
Tổng tài sản có	55.909.500	**Tổng tài sản nợ và vốn**	55.909.500

Bảng cân đối tiền tệ rút gọn của NHTW

Nguồn đối ứng của MB	Thành phần của MB
1. Tài sản có ngoại tệ ròng (NFA)	1. Tiền mặt lưu thông ngoài hệ thống
2. Tín dụng trong nước ròng (NDA)	2. Dự trữ của hệ thống NH
2.1. Cho vay Chính phủ ròng (NCG)	2.1. Dự trữ bắt buộc của hệ thống NH
2.2. Cho vay các NHTM (CDMB)	2.2. Dự trữ dư thừa của hệ thống NH
3. Tài sản có khác ròng (OiN)	

NFA = Tài sản có ngoại tệ - tài sản nợ ngoại tệ

NCG = Cho vay Chính phủ - Tiền gửi của Chính phủ

CDMB = Cho vay hệ thống các NHTM

OiN = TSC khác – TSN khác (gồm cả Vốn tự có)

MB và nguồn đối ứng của MB

ĐVT: Triệu đồng

Tài sản có	Số tiền	Tài sản nợ	Số tiền
NFA	17.222.712	(MB)	
NDA	11.986.980	-Tiền mặt lưu thông	25.159.140
-NCG	4.191.780	-Tiền gửi của các NHTM	7.268.196
-CBMB	7.795.200		
OIN	3.217.644		
	32.427.336		**32.427.336**

Bài tập

Bài 5: Có các số liệu sau trên bảng tổng kết tài sản của NHTW (ĐVT: nghìn tỷ đồng):
- Tiền mặt : 100
- Mua chứng khoán Chính phủ : 90
- Dự trữ ngoại tệ : 30
- Cho vay NHTM : 20
- Tiền gửi của các NHTM: 30
- Tiền gửi của NH nước ngoài : 10

a. Hãy thiết lập cân đối tiền tệ của Ngân hàng trung ương.
b. Xác định MB và nguồn đối ứng của MB.

Bài giải

a. Cân đối tiền tệ của NHTW:

ĐVT: Nghìn tỷ đồng

Tài sản có	Số tiền	Tài sản nợ	Số tiền
Tài sản có ngoại tệ	30	**Tiền dự trữ**	130
– Ngoại tệ	30	– Tiền mặt	100
		– Tiền gửi của các NHTM	30
Quan hệ với ngân sách	90	**Tài sản nợ ngoại tệ**	10
– Mua CK Chính phủ	90	– Tiền gửi của các TC nước ngoài	10
Cho các tổ chức tín dụng vay	20		
∑TSC	**140**	**∑TSN**	**140**

4/11/2020 49

b. Xác định MB và nguồn đối ứng của MB:

❖Xác định MB:

- Tiền mặt lưu thông: 100
- Tiền dự trữ của NHTM: 30
- NFA = TSC ngoại tệ - TSN ngoại tệ = 30 – 10 = 20
- NCG = 90
- CDMB = 20
- OIN = 0

4/11/2020 50

❖Nguồn đối ứng MB:

ĐVT: Nghìn tỷ đồng

Tài sản có	Số tiền	Tài sản nợ (MB)	Số tiền
NFA	20		
NDA	110	- Tiền mặt lưu thông	100
-CBMB	20	- Tiền gửi của các NHTM	30
-NCG	90		
OIN	0		
	130		130

4/11/2020 51

Bài 6: Thiết lập cân đối tài sản của ngân hàng trung ương dựa vào các số liệu sau (đơn vị: tỷ VND):

- Tiền mặt : 20.000
- Cho vay tái chiết khấu : 5.500
- Dự trữ chứng khoán chính phủ : 10.000
- Tiền gửi của ngân hàng thương mại: 5000
- Tiền gửi tại IMF : 100
- Tiền gửi của ngân hàng nước ngoài : 1000
- Dự trữ ngoại tệ : 10.000
- Tài sản có khác : 400

a. Hãy thiết lập cân đối tiền tệ của Ngân hàng trung ương.

b. Xác định MB và nguồn đối ứng của MB.

Bài 7: Có các số liệu giả định trên bảng CĐ tiền tệ của NHTW (ĐVT: nghìn tỷ đồng)

- Tiền mặt lưu thông ngoài hệ thống ngân hàng: 200
- Tiền dự trữ của hệ thống NHTM: 50
- Tiền gửi bằng ngoại tệ của NH nước ngoài: 20
- Dự trữ chứng khoán Chính phủ : 100
- Dự trữ ngoại tệ : 90
- Cho các NHTM vay: 80

a. Hãy thiết lập cân đối tiền tệ của Ngân hàng trung ương.

b. Xác định MB và nguồn đối ứng của MB.

3 Nghiệp vụ phát hành và tổ chức điều hòa tiền mặt của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam:

3.1 Một số khái niệm về in, đúc tiền, bảo quản và vận chuyển tiền ở Việt Nam:

3.2 Phát hành tiền của Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam:

3.3 Quản lý quỹ Dự trữ phát hành và quỹ Nghiệp vụ phát hành:

3.4 Điều hòa tiền mặt trong hệ thống Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam:

Cơ sở phát hành tiền

Khối lượng TM NHTW phát hành	=	Khối lượng TM trong lưu thông	+	Khối lượng TM tại quỹ của các NHTG
MB	=	C	+	T

Xác định khối lượng tiền mặt cần phát hành

Xác định lượng tiền cần tăng thêm dự kiến

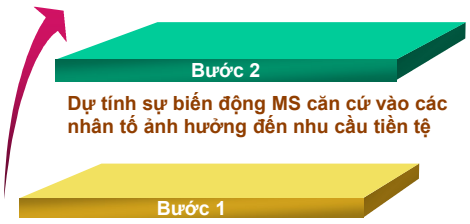

3.3 Quản lý quỹ Dự trữ phát hành và Quỹ nghiệp vụ phát hành

Quỹ Dự trữ phát hành

Tiền giấy, tiền kim loại đã công bố, chưa công bố lưu hành, đình chỉ và không đủ tiêu chuẩn lưu hành

- Quản lý tại kho tiền Trung ương: Tiền nhập mới phát hành, thực hiện xuất nhập với Quỹ nghiệp vụ phát hành tại các sở giao dịch và kho tiền Chi nhánh Tỉnh, Thành phố
- Quản lý tại kho tiền Chi nhánh: Tiền nhập mới phát hành, thực hiện xuất nhập với Quỹ nghiệp vụ phát hành do Chi nhánh quản lý, xuất nhập tiền với QDTPH tại kho NHTW và với các CN khác

3.3 Quản lý quỹ Dự trữ phát hành và Quỹ nghiệp vụ phát hành

Quỹ nghiệp vụ phát hành

Tiền giấy, tiền kim loại nhập từ QDTPH, tiền thu hồi từ lưu thông. Quản lý tại kho tiền Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và kho tiền các Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

3.4 Điều hòa tiền mặt trong hệ thống NHNN Việt Nam

Thông tin:
-Số dư tồn quỹ
-Cơ cấu loại tiền
-Chi tiết loại tiền
-Tình hình thu chi tiền mặt

Căn cứ:
-Định mức ngân quỹ DTPH
-Định mức tồn quỹ NVPH

Điều hòa từ nơi thừa đến nơi thiếu

Hằng ngày, các Chi nhánh NHNN dựa và các căn cứ để lập tờ trình GĐ NHNN xuất quỹ DTPH nhập quỹ NVPH để đáp ứng nhu cầu